

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: **55/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 20/6/2022  
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**  
2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 116, khu phố NG, thị trấn NG, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Chị Lê Thị L có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thái A**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp HP, xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Trần Thái A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*

Vào năm 2009 qua thời gian quen biết tự nguyện yêu thương nhau chị và anh Trần Thái A tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 24/3/2009. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có một người con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010; về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung; về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do trong quá trình chung sống, anh A không còn quan tâm đến vợ con, sau đó anh chị cãi nhau và anh A bỏ đi khỏi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để về quê nhà ở Kiên Giang nên anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2011 đến nay. Nay thời gian ly thân cũng hơn 10 năm nên giữa chị và anh A không còn tình cảm vợ chồng, anh A cũng không còn quan tâm gì đến mẹ con chị nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thái A;

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010 và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

*Bị đơn anh Trần Thái A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

*Biên bản xác minh Ban lãnh đạo ấp HP, xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang ngày 08/4/2022 và ngày 16/5/2022:* Dương sự anh Trần Thái A, sinh năm 1985, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, ấp HP, xã TL, huyện CT, Kiên Giang; mặc dù hiện nay anh A không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên về thăm cha mẹ tại tổ 10, ấp HP, xã TL, huyện CT, Kiên Giang.

*Biên bản xác minh đối với ông Trần Ngọc Đây (cha của anh Trần Thái A) ngày 08/4/2022:*

Con ông là anh Trần Thái A có vợ là chị Lê Thị L từ khoảng năm 2009-2010, anh A và chị L tổ chức lễ cưới ở bên gia đình chị L tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có tổ chức lễ cưới tại quê nhà (ấp HP, xã TL, huyện CT, Kiên Giang) mà có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện CT, Kiên Giang. Trong quá trình chung sống với nhau anh A và chị L có 01 người con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010, sau đó vợ chồng chị L – anh A có phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay. Sau khi ly thân, anh A có về nhà một thời gian thì lại đi làm xa nhưng cũng thường xuyên về thăm vợ chồng ông.

*Biên bản xác minh đối với bà Trần Thu Thủy (mẹ của anh Trần Thái A) ngày 16/5/2022:*

Con bà là anh Trần Thái A trong thời gian đi làm xa ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì có quen biết cô Lê Thị L và tổ chức lễ cưới tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

nhưng không có tổ chức lễ cưới tại quê nhà (ấp HP, xã TL, huyện CT, Kiên Giang) mà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ khoảng năm 2009-2010 vợ chồng anh Trần Thái A – chị Lê Thị L chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010, sau đó vợ chồng chị L – anh A có phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay. Sau khi ly thân, anh A có về nhà một thời gian thì lại đi làm ăn xa nhưng cũng thường xuyên về thăm vợ chồng bà. Nay chị Lê Thị L xin ly hôn thì bà có nghe anh A nói là vợ chồng anh không còn tình cảm với nhau vì đã ly thân mấy năm nay nên anh A cũng đồng ý ly hôn; về con chung là cháu Trần Lê Trúc L thì từ lúc ly thân đến nay đều do chị L chăm sóc nuôi dưỡng nên đồng ý cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng và anh A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống, vợ chồng anh A - chị L không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai. Nay vì anh A bận công việc làm ăn và không thể đến Tòa án tham gia xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục vắng mặt.

*Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên là cháu Trần Lê Trúc Ly đề ngày 13/5/2022:* Cháu Trần Lê Trúc L có nguyện vọng được mẹ là chị Lê Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Thái A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010 cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu L có nguyện vọng muốn được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị L xác định là trong quá trình chung sống với anh A thì vợ chồng chị không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 21/3/2022, chị Lê Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thái A, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Trần Thái A có địa chỉ cư trú tại ấp HP, xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Trần Thái A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Thái A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2009 và được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh A là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Thái A: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L xác nhận chị và anh A sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vợ chồng anh chị thường hay mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và anh A bỏ về quê nhà ở Kiên Giang từ khoảng năm 2011 đến nay, do đó anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2011 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị L và anh A hàn gắn đoàn tụ nhưng anh A vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh A có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh A vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ anh A không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị L. Tại phiên tòa, chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh A và trên thực tế anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2011 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng anh A và chị L không còn tự nguyện chung sống với nhau nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn với anh A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xác nhận trong

thời gian chung sống chị và anh A có người con chung là cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010, nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và chị L tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi anh A bỏ đi (khoảng năm 2011) cho đến nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, chị L vẫn chăm sóc tốt cho cháu L nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của cháu L là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cũng phù hợp với quy định định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị L tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị L xác nhận và cam kết trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Trần Thái A.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị L là nguyên đơn do đó chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” với anh Trần Thái A

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Thái A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Trúc L, sinh ngày 15/01/2010 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu L) và chị L tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị L cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001173 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Thái A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Phạm Ngọc Khánh**